Họ tên	Bộ phận	4	5	6	9	10	11	12	13	16	17	18	19	20	23	24	25	26	27	30	31	Tổng
KHA THỊ HẢI	KDƯỢC	7.72			7.85	7.9		7.52	7.53	7.68	7.55	7.52	7.68	8				7.57	8.03	8.07	7.52	**14**
KHOA DƯỢC Count	1																					
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	9.57	7.05	6.07	8	4.57								8.45	8.45		8.78	8.18	3.98	8.48		**12**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	3.05			8.38	5.38	2.65	5.32	7.52	8.08		3.83	8.5		8.3	8.58			8.52	8.18	3.83	**13**
KHA VĂN HÀ	TCHC				7.75					3.62	8.58								4.07			**5**
VI VĂN THÌN	TCHC	5.63	8.25		2.58					6.57	7.8	5.23	8.65	5.55	3.62	4.88			8.2	4.2	5.23	**13**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	8.38				8.05				3.63	8	7.1	7.77		7.95		1.88	5.82			7.1	**9**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	8.68	7.82		8.12	5.68	2.32	7.4	2.52	8.6		1.78					8.63	8.45	8.7	8.12	1.78	**14**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	8.9			2.83	5.38		8		8.7			8.78	8.47	9.18	7.72	8.78	8.5	8.93	8.75		**14**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH (	8																					
HÀ NGỌC ANH	KSBT																					**0**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT	9.08	8.75	8.37	8.77	5.75					2.78	3.97	0.65				8.52	8.83	8.37	8.77	3.97	**13**
CỤT VĂN PHON	KSBT	8.37									5.37	2.72	8.58	8.23							2.72	**6**
VI VĂN KHOA	KSBT	8.63	8.53	7.42	8.73	8.4		7.83	3.67	3.9	8.4	7.47	4.22	8.57	8.35	8.28	8.32	8.37	8.35	8.08	7.47	**18**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT		8.05	7.53	8.55	8.32		7.82	7.92	8	8.18	3.82	8.38	8.43	8.45	8.12	8.13	8.05	8.33	8.15	3.82	**18**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.73	8.63	8.82	8.02	8.85		7.87			7.85	7.72	8.12	8.07	8.18	4.5				8.4	7.72	**14**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT																					**0**
KHOA KSBT- HIV/AIDS (	7																					
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP	8.95	8.93	9.02	8.88	8.68		2.7	8.48	8.4	8.87	7.8	8.93	3.83			8.35	8.22	8.88	8.95	7.8	**17**
VI THỊ NGÂN	ATTP	8	7.73	7.75	8.3	8.43		8.13	3.68	7.95	7.78	3.5	8.2	5.02		7.72	5.37	8.27	8.33	8.15	3.5	**18**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	8.8	8.62	9.17	8.65	6.15	2.7	2.45	3.38	8.17	8.55	7.48	8.77	8.73	7.87	8.53	4.52	8.65	8.73	8.43	7.48	**20**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP	5.77	6.2					2.42	9.1	3.55	9.03	5.2	5	6.25	9.1	8.2	5.02	5.78	5.02	6.28	5.2	**16**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	7.68	7.63	5.42																8.23		**5**
VI THỊ MY LA	ATTP	8.45	8.23	8.25	9.05	8.47	3.02	8.15	8.5	8.13	8.9	7.73	8.58	7.98	9.03	8.58	8.6	8.27	8.87	9.05	7.73	**20**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP	7.98	7.95	7.8	7.9	8.17		8.05	8.15	7.98	8.18	7.2	8.42	3.33	6.67		8.15	8.12		3.92	7.2	**16**
KHOA ATTP - YTCC&DD (	7																					
MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	8.42													2.87	8.22	8.4	8.33		8.22		**7**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	8.33	4.08		8.35	8.27	2.7	8.47	3.85	3.53	8.2	7.53	8.35	9.07		5.62	8.1	8.48	8.2	8.08	7.53	**18**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.22	7.95	7.53	8.47	8.02		7.8	8.18	7.72	8.17	7.2	8	8.55	8.03	8.03	8.02	8.47	8.23	8.57	7.2	**19**
LA THỊ OANH	DÂN SỐ	8.33	8.12	8.07	8.38	8.48	3	8.12	8.37	3.9	8.02	7.92	8.33	8.18		8.07	8.2	8.2	8.17	8.38	7.92	**19**
PHÒNG DÂN SỐ Count	4																					